

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-PT
Ngày 10 - 3 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K'Tiêng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuyên và ông Nguyễn Hồng Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 19-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2020/QĐ-PT ngày 25-02-2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang Đ; địa chỉ: Bon J, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Kim T; địa chỉ: Bon J, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Kim T: Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Bon J, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị N; địa chỉ: Bon J, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông - Có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Bon J, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông - Có mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Đức H; địa chỉ: Thôn Z, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

4.2. Ông Phạm Văn S; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

4.3. Ông Lương Minh N; địa chỉ: Số Q, đường L, Phường W, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.4. Anh Lê Văn G; địa chỉ: Thôn O, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
(Đều vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Quang Đ là nguyên đơn.

6. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-6-2017 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Khoảng tháng 6-2016 tôi có thuê ông Hoàng Kim T xây dựng 01 căn nhà tại Bon J, xã T, huyện Đ tổng diện tích nền khoảng 126m², hai bên không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau với giá tầng trệt là 1.400.000 đồng/m², tầng 01 là 1.200.000 đồng/m². Trong quá trình xây dựng tôi đã cho ông Hoàng Kim T ứng tiền nhiều lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên đến tháng 10-2016 công trình còn dang dở thì ông T không xây dựng nữa. Sau đó do có nhu cầu về nhà ở nên tôi đã thuê nhóm thợ khác để tiếp tục xây dựng công trình và yêu cầu Công ty TNHH thiết kế xây dựng thương mại TT thẩm định giá phần công trình ông T xây dựng có kết quả 151.874.982 đồng. Việc ông T ứng vượt quá số tiền của phần đã thi công cho gia đình tôi, vì vậy tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Kim T phải hoàn trả cho tôi số tiền còn dư là 48.125.018 đồng.

Bị đơn có yêu cầu phản tố: Ông Hoàng Kim T và đại diện theo ủy quyền của ông T là bà Nguyễn Thị D trình bày: Do có mối quan hệ hàng xóm nên tháng 6-2016 ông Đ có nhờ tôi thi công xây dựng cho ông 01 căn nhà tại Bon J, xã T, huyện Đ hai bên không lập hợp đồng xây dựng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau. Nội dung hai bên thỏa thuận: giá thi công 1.400.000 đồng/m² tầng trệt, 1.200.000 đồng/m² tầng lầu, bàn giao công trình ngày 31-12-2016. Trong quá trình thi công đến phần móng tôi có đưa hợp đồng đánh máy để ông Đ xem và ký nhưng ông Đ nói hợp đồng dài nên không ký và nói làm tới đâu ông thanh toán tới đó. Quá trình thực hiện hợp đồng thì tôi đã thi công phần bê tông cốt thép, tầng trệt đã xây tô xong và lát nền được 03 phòng ngủ, phần điện nước đang làm dở, tầng lầu đã xây bao xong, phần sàn mái đã chống thấm cán nền và xây tô xong và ngoài vách hướng nam đã làm xong. Tổng thể tôi đã thi công xong được khoảng 75% công trình. Tổng số tiền ước lượng thi công 351.000.000 đồng chưa tính phát sinh, tôi đã ứng của ông Đại 200.000.000 đồng nhưng còn thiếu so với khối lượng công trình tôi đã làm là 75.000.000 đồng. Do ông Đ thanh toán tiền chậm theo thỏa thuận và yêu cầu ông Đ ký kết hợp đồng nhưng ông Đ không ký.

Theo thỏa thuận thì khi đổ xong bê tông phần mái thì ông Đ phải thanh toán 200.000.000 đồng nhưng khi đổ xong phần mái ông Đ không thanh toán mà nói 21 ngày sau khi gỡ cốt pha xong mới thanh toán. Trong thời gian đó tôi vẫn đưa thợ vào làm. Sau khi gỡ cốt pha xong thì ông Đ có thanh toán cho tôi 15.000.000 đồng, sau đó khoảng 01 tuần mới thanh toán đủ 200.000.000 đồng.

Tôi có gặp ông Đ để ký kết hợp đồng nhưng ông Đ không ký nên tôi mới dừng lại không làm nữa. Việc ông Đ cho rằng tôi mới thực hiện công việc tương ứng số tiền 151.874.982 đồng thì tôi không chấp nhận.

Ngày 28-7-2017, bị đơn ông Hoàng Kim T có đơn phản tố với nội dung việc ông Đ khởi kiện yêu cầu tôi hoàn trả 48.125.018 đồng thì tôi không đồng ý. Tôi yêu cầu ông Đ thanh toán cho tôi số tiền thi công công trình còn thiếu là 75.718.767 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trình bày: Bà đồng ý với ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Quang Đ, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày: Về nội dung vụ án bà đồng ý với ý kiến của chồng là ông Hoàng Kim T, không bổ sung gì thêm.

Người làm chứng ông Lương Minh N trình bày: Ông là đại diện của Công ty TNHH Thiết kế xây dựng TT có trụ sở tại Số Y, đường N, Phường R, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là người trực tiếp thẩm định khối lượng công trình căn nhà của ông Nguyễn Quang Đ ở Bon J, xã T, huyện Đ. Tại thời điểm thẩm định hiện trạng công trình đúng như bản kết quả thẩm tra của Công ty, cụ thể:

- Đất đồ cao 0,35m;
- Móng đã làm xong. Móng phần nhà là móng đá chẻ, bê tông cốt thép; phần sân sau là móng gạch đồ giăng bê tông cốt thép.
- Tường bao xây gạch 15; tường trong xây gạch 10; tầng trệt đã xây xong; khu bếp chưa xây tường; tầng 01 mới xây bao xung quanh, bên trong chưa xây.
- Nền chưa láng, chưa ốp gạch; có 01 phòng ngủ đã lát gạch.
- Trên tầng 01 chưa có gì.
- Mái có đồ mê, có cán tạo dốc.
- Hệ thống điện, nước có một phần ở tầng trệt.

Về khối lượng công trình thì thẩm tra theo khối lượng thực tế và một phần của bản vẽ thi công. Về giá trị khối lượng công trình theo kết quả thẩm định là 151.874.982 đồng, về đơn giá thì căn cứ trên giá thị trường tại thời điểm thi công.

Người làm chứng ông Phạm Văn S trình bày: Năm 2016, thời gian cụ thể ông không nhớ ông là người đi làm công cho ông T xây dựng căn nhà cho ông Đ ở Bon J, xã T, huyện Đ. Tại thời điểm ông T ngừng thi công công trình thì hiện trạng căn nhà đúng như bản kết quả thẩm tra của Công ty TT, cụ thể:

- Đất đồ cao 0,45m;
- Móng đã làm xong. Móng phần nhà là móng đá chẻ, bê tông cốt thép đồ giăng bê tông cốt thép.
- Tường bao xây gạch 15; tường trong xây gạch 10; tầng trệt đã xây xong hoàn thiện chỉ còn ốp lát.
- Nền chưa láng, chưa ốp gạch; có 02 phòng ngủ đã lát gạch.
- Trên tầng lầu chỉ mới xây bao xung quanh, chưa xây ngăn phòng.
- Mái có đồ mê, có cán tạo dốc.

- Hệ thống điện đã lắp dây chưa lắp bóng.
- Hệ thống nước chưa làm.

Ông làm nhà cho ông Đ từ khi khởi công cho đến khi ông T ngừng không làm cho ông Đ nữa, theo ông thì ông T đã xây dựng được khoảng 75% khối lượng công trình.

Người làm chứng ông Nguyễn Đức H trình bày: Năm 2016, thời gian cụ thể ông không nhớ ông là người đi làm công cho ông T xây dựng căn nhà cho ông Đ ở Bon J, xã T, huyện Đ. Tại thời điểm ông T ngừng thi công công trình thì hiện trạng căn nhà đúng như bản kết quả thẩm tra của Công ty TT, cụ thể:

- Đất đổ cao 0,45m đến 0,5m;
- Móng đã làm xong. Móng phần nhà là móng đá chẻ, bê tông cốt thép đổ giằng bê tông cốt thép.
- Tường bao xây gạch 15; tường trong xây gạch 10; tầng trệt đã xây xong hoàn thiện chỉ còn ốp lát.
- Nền chưa láng, chưa ốp gạch; có 02 phòng ngủ đã lát gạch.
- Trên tầng lầu chỉ mới xây bao xung quanh, chưa xây ngăn phòng.
- Mái có đồ mè, có cán tạo dốc, chống thấm.
- Hệ thống điện đã lắp dây chưa lắp bóng.
- Hệ thống nước mới lắp ống xả.
- Nhà vệ sinh chưa làm.

Ông làm nhà cho ông Đ từ khi khởi công cho đến khi ông T ngừng không làm cho ông Đ nữa, theo ông thì ông T đã xây dựng được khoảng 70% khối lượng công trình.

Người làm chứng anh Lê Văn G trình bày: Tôi là người đứng ra làm kế tiếp căn nhà của ông Đ sau khi ông Hoàng Kim T chấm dứt không làm nữa. Khi tôi vào làm thì căn nhà ông Đ đã hoàn thành được 65%, bao gồm: Đã làm đế móng; đổ bê tông sàn; xây bao xung quanh; hoàn thiện tầng 01, hai phòng ngủ tầng 01; đã tô xong trần, tường tầng 01, chỉ còn lại hành lang, bếp, 01 phòng ngủ chưa đóng lamri tường và chưa lát nền, tầng 01 gần như đã hoàn thiện đến 80%.

Còn tầng 02 đã bao xung quanh xong, đã tô ngoài phía tiếp giáp với nhà bà Th; đã hoàn thiện sân thượng; chống thấm sân thượng nhưng chưa xây ngăn phòng. Khi tôi vào làm tôi không thấy nứt sân thượng, không thấy thấm và trôi xi măng của nền sân thượng.

Tôi nhận công trình còn lại với giá 145.000.000 đồng qua ông Lương Minh N, ông Lương Minh N nhận công trình nhưng không làm mà giao cho tôi làm trực tiếp ngay sau khi ông T ngừng thi công. Tuy nhiên sau khi hoàn thiện công trình và giao nhà cho ông Đ vào ở, ông Đ mới chỉ thanh toán cho tôi 70.000.000 đồng, số tiền còn lại ông Đ vẫn chưa thanh toán cho tôi. Ngoài ra trong quá trình tôi làm cho ông Đ rất nhiều lần ông Đ gây khó dễ khi tôi tiến hành thi công, ông quát tháo vô cớ, la mắng, bắt bẻ vô lý, ông còn đánh nhau với thợ của tôi. Nhiều lần tôi muốn dừng công trình nhưng ông Đ năn nỉ nên tôi làm tiếp với lời hứa

của ông Đ sẽ thanh toán đầy đủ cho tôi. Nhưng đến nay sau khi giao công trình được 02 năm nhưng ông Đ vẫn chưa chịu thanh toán cho tôi số tiền còn lại, mặc dù tôi đã đến nhà nhiều lần giải thích, năn nỉ để lấy tiền trả công cho thợ nhưng ông Đ vẫn không trả.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 19-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 143, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 138, 139, 140, 141, 144, 145 và 147 của Luật Xây dựng năm 2014; các Điều 385, 388, 389, 398, 400, 401, 406 và 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang Đ.
2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Hoàng Kim T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02-12-2019, ông Nguyễn Quang Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 04-12-2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song ban hành kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung vì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa có đủ căn cứ vững chắc và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu như tại phiên tòa sơ thẩm và nội dung đơn kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông rút toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung trình bày như tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.
- Về nội dung: Sau khi phân tích và đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền 24.062.509 đồng tương ứng với mức độ lỗi ngang nhau giữa các bên khi không thực hiện hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Quang Đ và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song trong thời hạn luật định, ông Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[2]. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông rút toàn bộ kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị này.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại biên bản thỏa thuận về giá giữa ông Đ và ông T tại bút lục số 91-92 được lưu trong hồ sơ vụ án thì ông T đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung về khối lượng công việc thực tế các hạng mục mà ông T đã thi công có sự tham gia của chủ thầu trước, chủ thầu sau và nhà đầu tư, trên cơ sở đó tiến hành thẩm định giá bổ sung để làm căn cứ giải quyết vụ án và đồng ý hầu hết về đơn giá tại bản kết quả thẩm tra khối lượng thi công xây dựng công trình đề ngày 28-12-2016 của Công ty TNHH thiết kế xây dựng thương mại TT nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành mời Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá TrT thẩm định một số hạng mục mà ông T cho rằng bản thẩm tra của Công ty TT còn thiếu so với khối lượng chi tiết thi công. Tại biên bản làm việc ngày 11-02-2020 thì ông Đ đồng ý với kết quả thẩm định giá bổ sung của Công ty TrT và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án khách quan và đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Đ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Bởi lẽ căn cứ vào kết quả thẩm định giá của Công ty TT và Công ty TrT thì khối lượng thi công công trình trong hợp đồng xây dựng giữa nguyên đơn và bị đơn có tổng giá trị là 177.811.882 đồng (bút lục số 26a-27, 109-122) và ông Đ đã ứng tiền cho ông T nhiều lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng. Như vậy, tính đến thời điểm ông T chấm dứt việc thi công công trình đối với ông Đ thì ông T ứng dư tiền của ông Đ với số tiền 22.188.118 đồng.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Quang Đ. Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc xác định mức độ lỗi ngang nhau của các bên và buộc mỗi bên phải chịu số tiền 24.062.509 đồng là không có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ trong trường hợp này việc xác định lỗi ngang nhau của các bên là không có căn cứ để xác định.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí này, cụ thể ông Đ phải chịu 2.900.000 đồng, được trừ số tiền 5.000.000 đồng ông Đ đã nộp tạm ứng; ông T phải chịu 2.900.000 đồng, được trừ số tiền 800.000 đồng ông T đã nộp tạm ứng. Ông T phải trả cho ông Đ số tiền 2.100.000 đồng.

[5]. Về án phí dân sự:

[5.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 1.296.845 đồng, tuy nhiên ông Đ, sinh năm 1952 thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả cho ông Đ số tiền 1.203.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000317 ngày 03-7-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn là ông T phải chịu 1.109.000 đồng, được trừ số tiền 1.892.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000412 ngày 08-8-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, hoàn trả cho ông T số tiền 783.000 đồng.

[5.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Nguyễn Quang Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Quang Đ, sửa bản án sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 19-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 143, Điều 147, Điều 148, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 266, Điều 273 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 138, 139, 140, 141, 144, 145 và 147 của Luật Xây dựng năm 2014; các Điều 385, 388, 389, 398, 400, 401, 406 và 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang Đ. Buộc ông Hoàng Kim T phải trả cho ông Nguyễn Quang Đ số tiền 22.188.118 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Hoàng Kim T.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá: Buộc ông Đ phải chịu 2.900.000 đồng, được trừ số tiền 5.000.000 đồng ông Đ đã nộp tạm ứng; buộc

ông T phải chịu 2.900.000 đồng, được trừ số tiền 800.000 đồng ông T đã nộp tạm ứng. Buộc ông T phải trả cho ông Đ số tiền 2.100.000 đồng.

4. Về án phí dân sự:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đ và hoàn trả cho ông Đ số tiền 1.203.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000317 ngày 03-7-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Ông T phải chịu 1.109.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền 1.892.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000412 ngày 08-8-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, hoàn trả cho ông T số tiền 783.000 đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quang Đ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã theo biên lai số 0002375 ngày 12-12-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

K'Tiêng